

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 120/2009/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 6 tháng 10 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh
Bình Thuận thời kỳ đến năm 2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Thuận thời kỳ đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

- Huy động cao nhất các nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế để sớm rút ngắn khoảng cách chênh lệch và tiến kịp trình độ phát triển chung của cả nước.
- Đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Thuận trong tổng thể phát triển chung của cả nước và hội nhập kinh tế quốc tế.
- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tăng nhanh các ngành, lĩnh vực và khu vực kinh tế có năng suất lao động cao. Phát huy nhân tố con người và các lợi thế về tài nguyên biển, về và vị trí địa lý của Tỉnh để hình thành và phát triển những ngành nghề, sản phẩm mũi nhọn, vùng động lực nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh và tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế.
- Phát triển kinh tế - xã hội bền vững, kết hợp tăng trưởng kinh tế với phát triển xã hội, xóa đói giảm nghèo, thực hiện công bằng xã hội.
- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố an ninh, quốc phòng trên từng địa bàn, trên các đảo và vùng biển trong tỉnh.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

- Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và phát triển Bình Thuận đến năm 2020 trở thành một tỉnh công nghiệp - dịch vụ theo hướng hiện đại, năng động. Cơ sở hạ tầng hiện đại, đồng bộ liên thông với cả nước và quốc tế. Quan hệ sản xuất tiên bộ, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện, nâng cao.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) giai đoạn 2009 - 2010 đạt bình quân khoảng 14,0%/năm, giai đoạn 2011 - 2015 đạt bình quân khoảng 13,0 - 14,3%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 đạt bình quân khoảng 12,0 - 12,8%/năm. GDP/người năm 2010 tăng 1,84 lần so với năm 2005, năm 2015 tăng khoảng 1,78 lần so với năm 2010 và năm 2020 tăng khoảng 1,7 lần so với năm 2015.

- Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng nhanh tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Phân đấu đến năm 2010 tỷ trọng trong GDP của công nghiệp - xây dựng đạt 36,29%, nông - lâm - ngư nghiệp đạt 20,97%, dịch vụ đạt 42,74%; đến năm 2015 đạt tương ứng: 45,6%, 12,8% và 41,6%; đến năm 2020 đạt tương ứng: 47,72%, 7,83% và 44,45%.

- Tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước (không kể thuế tài nguyên dầu khí) so với GDP giai đoạn 2009 - 2010 đạt khoảng 15 - 16%, giai đoạn 2011 - 2015 đạt khoảng 16 - 17% và giai đoạn 2016 - 2020 đạt khoảng 18 - 20%.

- Kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2009 - 2010 tăng bình quân 20%/năm và giai đoạn 2011 - 2020 tăng bình quân khoảng 17 - 18%/năm. Phân đấu kim ngạch xuất khẩu đến năm 2010 đạt khoảng 235 triệu USD, năm 2015 đạt khoảng 480 - 500 triệu USD và năm 2020 đạt khoảng trên dưới 1 tỷ USD.

- Kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội được xây dựng đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh.

- Tăng nhanh và sử dụng có hiệu quả tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội. Phân đấu tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2009 - 2010 đạt 54 - 56% GDP; giai đoạn 2011 - 2015 đạt 44 - 46% GDP và giai đoạn 2016 - 2020 đạt 40 - 42% GDP.

b) Về xã hội:

- Giảm tỷ lệ sinh giai đoạn 2009 - 2010 đạt bình quân 0,56‰/năm và giai đoạn 2011 - 2020 đạt bình quân 0,21‰/năm. Khống chế tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở mức 1,14‰ vào năm 2010 và 1,0 - 1,1‰ vào năm 2020.

- Giải quyết việc làm mới giai đoạn 2009 - 2010 đạt bình quân 22.000 - 23.000 lao động/năm và giai đoạn 2011 - 2020 đạt bình quân 11.000 - 12.000 lao động/năm. Đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tiên bộ. Phân đấu đến năm 2010, tỷ trọng lao động khu vực nông - lâm - ngư nghiệp trong tổng số lao động làm việc là 55 - 57%, khu vực công nghiệp - xây dựng là 18 - 20%, khu vực dịch vụ là 26 - 27%; đến năm 2020 tỷ trọng lao động tương ứng là 27 - 28%, 27 - 28% và 44 - 45%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 30% vào năm 2010 và đạt khoảng 50 - 55% vào năm 2020. Tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động nông thôn, giảm tỷ lệ lao động thất nghiệp ở khu vực đô thị xuống còn dưới 4% vào năm 2010 và 3 - 3,5% vào năm 2020.

- Thu nhập bình quân của nhân dân tăng 1,8 - 2,0 lần, giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) còn 5,0 - 7,0% vào năm 2020, giai đoạn 2011 - 2020 giảm hơn 2/3 tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn tương ứng trong cùng giai đoạn.

- Tăng tỷ lệ huy động và nâng cao chất lượng giáo dục mầm non tiểu học. Tỷ lệ đi học đúng tuổi cấp trung học cơ sở đạt 85% vào năm 2010 và đạt trên 95% vào năm 2020; cấp trung học phổ thông tương ứng đạt 60 - 65% vào năm 2010 và đạt trên 80% vào năm 2020. Phần đầu đạt trên 20% số trường đạt chuẩn quốc gia vào năm 2010 và đạt trên 7% vào năm 2020.

- Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở. Xây dựng, nâng cấp các trạm y tế xã theo chuẩn quốc gia. Phần đầu đạt 85% trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế vào năm 2010 và đạt 100% vào năm 2020.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống còn dưới 15% vào năm 2010 và dưới 7% vào năm 2020. Tăng tuổi thọ trung bình của dân số lên 70 - 72 tuổi vào năm 2010 và 76 - 78 tuổi vào năm 2020.

- Trên cơ sở phát triển công nghiệp, dịch vụ nâng tỷ lệ đô thị hóa lên khoảng 40 - 42% vào năm 2010 và 60 - 65% vào năm 2020.

c) Về bảo vệ môi trường:

- Nâng tỷ lệ che phủ rừng lên 51% vào năm 2010 và 53 - 54% vào năm 2020. Giảm thiểu tình trạng khô hạn (cả về diện rộng và độ dài thời gian).

- Các đô thị và khu công nghiệp có hệ thống thu gom và xử lý chất thải. Phần đầu đến năm 2020, 100% chất thải công nghiệp nguy hại, chất thải y tế được xử lý theo tiêu chuẩn Việt Nam. Đến năm 2010, đạt 100% dân số đô thị và khoảng 85% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch; 80% số hộ nông thôn có hố xí hợp vệ sinh. Đến năm 2020, đạt trên 95% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch cho sinh hoạt và trên 95% hộ gia đình có hố xí hợp vệ sinh, thu gom và xử lý 100% rác thải sinh hoạt.

- Khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên, bảo vệ đa dạng sinh học, nhất là ở các khu bảo tồn thiên nhiên ở Tánh Linh và Hàm Thuận Nam, các khu vực phát triển công nghiệp khai khoáng, du lịch, khu vực biển và ven biển.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ CÁC SẢN PHẨM CHỦ LỰC

1. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng

a) Phát triển các ngành công nghiệp theo hướng đa dạng hóa; ưu tiên các sản phẩm công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao và giá trị gia tăng lớn, chú trọng các ngành, lĩnh vực Tỉnh có lợi thế về tiềm năng và vị trí địa lý kinh tế như công nghiệp năng lượng, khai khoáng, sản xuất vật liệu xây dựng và chế biến lương thực - thực phẩm, công nghệ sinh học, công nghiệp cơ khí, chế tạo phục vụ kinh tế biển, phát triển nông nghiệp - nông thôn cùng các ngành công nghiệp hỗ trợ cho vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

b) Phát triển công nghiệp với nhịp độ cao và ổn định. Tốc độ tăng giá trị gia tăng giai đoạn 2009 - 2010 đạt bình quân khoảng 20 - 21%/năm, giai đoạn 2011 - 2015 đạt bình quân khoảng 18 - 19%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 đạt bình quân 16,0 - 17,5%/năm.

c) Cơ cấu công nghiệp chuyển dịch theo hướng tập trung phát triển mạnh các nhóm ngành sản phẩm sau:

- Năng lượng: gồm nhiệt điện, thủy điện, phong điện.

- Thủy sản đông lạnh và chế biến.

- Khai thác - chế biến khoáng sản, dầu khí và sản xuất vật liệu xây dựng.

- Cơ khí, điện tử, đóng - sửa chữa tàu, thuyền đánh bắt hải sản, vận tải biển.

- Sản xuất nước khoáng, nước giải khát, sợi, dệt, may, giày dép.

- Chế biến nông - lâm sản và sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.

d) Phát triển mạnh công nghiệp nông thôn, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống. Khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ quản lý, tăng nhanh tỷ lệ sản phẩm công nghiệp đã qua chế biến, nâng cao giá trị các sản phẩm.

đ) Xây dựng và phát triển Trung tâm điện lực Vĩnh Tân và Sơn Mỹ. Từ nay đến năm 2020, hình thành 11 khu công nghiệp trên địa bàn: Tuy Phong, Phan Thiết, Hàm Kiệm, Tân Đức, Sơn Mỹ, Kê Gà, Hàm Cường, tàu thủy Ba Đàng, Tân Hải, Tân Phúc, Phan Rí Cửa. Từng bước xây dựng các cụm công nghiệp quy mô 75 - 100 ha ở các huyện, phấn đấu đến năm 2020 mỗi huyện, thị xã có 2 - 3 cụm công nghiệp tập trung.

2. Phát triển nông - lâm - ngư nghiệp

Phát triển nông - lâm - ngư nghiệp kết hợp theo hướng sinh thái bền vững, sản xuất hàng hóa, hiệu quả cao gắn với thị trường và phát triển ngành nghề, xây dựng nông thôn mới. Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng giai đoạn 2009 - 2010 đạt bình quân 6,0 - 7,0%/năm; giai đoạn 2011 - 2020 đạt bình quân 4,0 - 5,4%/năm. Định hướng phát triển các ngành như sau:

a) Ngư nghiệp: tập trung phát triển khai thác xa bờ và nuôi trồng thủy, hải sản. Đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng nghề cá. Xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng nghề cá, tập trung vào các cảng cá (Phan Thiết, Phú Quý, La Gi, Phan Rí Cửa) và các khu neo đậu tàu, thuyền tránh bão (Liên Hương, Chí Công, Phan Rí Cửa, Mũi Né, Phú Hải, Ba Đàng, La Gi và Phú Quý). Kết hợp chặt chẽ giữa khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng của ngành giai đoạn 2009 - 2010 đạt bình quân 9 - 10%/năm và giai đoạn 2011 - 2020 đạt bình quân 7,0 - 8,0%/năm; đến năm 2010, sản lượng khai thác đạt 180.000 tấn và nuôi trồng đạt 20.000 tấn; đến năm 2020, sản lượng khai thác đạt 190.000 tấn và nuôi trồng đạt 30.000 tấn.

b) Nông nghiệp: đầu tư phát triển nông nghiệp theo hướng đa dạng hóa các loại cây trồng, vật nuôi gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ phù hợp với những lợi thế của địa phương và yêu cầu của thị trường. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng nâng cao tỷ trọng giá trị sản phẩm ngành chăn nuôi, tăng các loại nông sản hàng hóa có lợi thế của Tỉnh. Trên cơ sở phát huy lợi thế của Tỉnh, hình thành một số vùng sản xuất tập trung chuyên môn hóa các loại cây công nghiệp dài ngày và cây ăn quả (điều, cao su, cà phê, thanh long...) và chăn nuôi đại gia súc (bò, dê...). Chú trọng sản xuất lương thực, phấn đấu sản lượng lúa đạt 495 - 500 nghìn tấn vào năm 2010 và khoảng 550 nghìn tấn vào năm 2020 đạt để bảo đảm an ninh lương thực. Thực hiện các biện pháp sản xuất an toàn để đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm sạch cho tiêu dùng trong nước, xuất khẩu và nguyên liệu công nghiệp chế biến.

c) Lâm nghiệp: bảo vệ, chăm sóc rừng hiện có, tích cực trồng mới, khoanh nuôi tái sinh, nuôi dưỡng và khai thác rừng hợp lý. Nâng tỷ lệ che phủ rừng trên tổng diện tích đất tự nhiên đạt 51% vào năm 2010 và đạt 53 - 54% vào năm 2020.

3. Phát triển du lịch

Phát triển du lịch thành một ngành kinh tế có đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế của Tỉnh. Duy trì tăng trưởng doanh thu du lịch bình quân cả thời kỳ đạt 16 - 18%/năm, tăng trưởng về lượt khách du lịch bình quân 10 -12%/năm.

Phát triển mạnh du lịch quốc tế, lấy du lịch quốc tế làm động lực thúc đẩy du lịch nội địa và các ngành dịch vụ phát triển. Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, trong đó tập trung vào du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, giải trí và thể thao, du lịch kết hợp với hội nghị, hội thảo. Đẩy mạnh xúc tiến và tiếp thị du lịch, xây dựng và quảng bá thương hiệu du lịch Bình Thuận ra thị trường thế giới, tìm kiếm mở rộng thị trường mới. Xây dựng các khu du lịch trọng điểm tại Tiến Thành - Phú Hải - Mũi Né - Hòn Rơm - Hòa Thắng - Bình Thạnh - Vĩnh Hảo, Thuận Quý - Kê Gà - La Gi ... một số khu, điểm du lịch tầm cỡ quốc tế, có khả năng cạnh tranh với một số trung tâm du lịch biển lớn của các nước trong khu vực. Đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng, dịch vụ phục vụ du lịch. Tổ chức các tuyến du lịch và nối các tuyến du lịch trong tỉnh với các tuyến du lịch của cả nước. Từng bước nâng cao tiêu chuẩn của ngành du lịch ngang tầm quốc tế.

4. Phát triển các ngành dịch vụ

Huy động mọi khả năng, nguồn lực để phát triển các ngành dịch vụ. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ giai đoạn 2009 - 2010 đạt bình quân 15,6%/năm, giai đoạn 2011 - 2015 đạt bình quân 15,3%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 đạt bình quân 12,8%/năm. Trong đó, tập trung phát triển các ngành dịch vụ chủ yếu sau:

a) Dịch vụ vận tải: phát triển tổng hợp các loại dịch vụ vận tải đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế và phục vụ đời sống nhân dân. Tập trung xây dựng đội tàu vận tải biển và các phương tiện vận tải phục vụ các trung tâm nhiệt điện và sản xuất bôcxít-nhôm. Tăng cường phát triển vận tải hàng hóa và hành khách giữa đất liền và đảo Phú Quý. Phát triển mạnh dịch vụ logistic tổng hợp.

b) Thương mại và kinh doanh xuất nhập khẩu: phát triển thương mại, từng bước hiện đại hóa, bảo đảm lưu thông hàng hóa nhanh, thuận tiện, kích thích sản xuất phát triển. Tập trung củng cố mạng lưới thương nghiệp trên toàn tỉnh. Xây dựng các trung tâm thương mại - dịch vụ hiện đại tại thành phố Phan Thiết và thị xã La Gi. Hoàn thiện mạng lưới chợ, đặc biệt là các chợ trung tâm thành phố Phan Thiết, thị xã La Gi và các huyện lỵ. Hình thành chợ đầu mối hải sản tại phía Nam thành phố Phan Thiết. Xây dựng ở mỗi huyện từ 1 - 2 chợ trung tâm và khu vực, hoàn chỉnh hệ thống chợ ở nông thôn. Về xuất khẩu, chuyển dịch theo hướng tăng các sản phẩm công nghiệp chế biến có giá trị gia tăng cao. Nghiên cứu quy hoạch xây dựng trung tâm giao dịch thương mại quốc tế tại thành phố Phan Thiết.

c) Phát triển các ngành dịch vụ khác như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ tư vấn, công nghệ thông tin và phần mềm, nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, cung ứng vật tư kỹ thuật phục vụ sản xuất nông, ngư nghiệp ... đáp ứng nhu cầu và phù hợp với trình độ phát triển kinh tế, xã hội của Tỉnh trong từng thời kỳ phát triển. Đến năm 2010, tổ chức thực hiện cổng thông tin điện tử, cổng thông tin và sàn giao dịch thương mại, thư viện điện tử về khoa học - công nghệ, hệ thống hội nghị truyền hình tỉnh. Sau năm 2010, hình thành một số cơ sở công nghiệp công nghệ thông tin hoạt động theo hướng phát triển dịch vụ, chủ yếu là dịch vụ phần mềm, dịch vụ nội dung và bước đầu công nghiệp phần cứng.

5. Xây dựng kết cấu hạ tầng

a) Về giao thông:

- Cải tạo và nâng cấp đoạn quốc lộ 1A đi qua địa bàn tỉnh đạt tiêu chuẩn kỹ thuật cấp I đồng bằng. Xây dựng đoạn đường cao tốc Bắc - Nam trên địa bàn tỉnh. Xây dựng tuyến đường vành đai (tuyến tránh mới) của thành phố Phan Thiết đạt tiêu chuẩn cấp I đồng bằng với 4 - 6 làn xe. Nâng cấp tuyến đường nối quốc lộ 1A với các cảng Phan Thiết, cảng Kê Gà và cảng Sơn Mỹ.